



回答问题

Trả lời câu hỏi

1. 你最近忙不忙?

Nǐ zuìjìn máng bù máng?

.....

2. 你现在住在哪儿?

Nǐ xiànzài zhù zài nǎ'er?

.....

3. 我们怎么去你家?

Wǒmen zěnmē qù nǐ jiā?

.....

4. 你的学校/公司在哪儿?

Nǐ de xuéxiào/gōngsī zài nǎr?

.....

5. 从你学校/公司回家要多长时间?

Cóng nǐ xuéxiào/gōngsī huí jiā yào duō cháng shíjiān?

.....

